

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠNH TRỊ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/DS-ST
Ngày 21-01-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín
dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Kha

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Dạng

Bà Lâm Thị Loan Em

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 197/2024/TLST-DS ngày 23 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2024/QĐXX-DS ngày 17/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-DS ngày 08/01/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng C.

Địa chỉ trụ sở: Số A, phố L, phường H, quận H, Hà Nội.

- Người đại diện ủy quyền tham gia tố tụng: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Phó giám đốc Ngân hàng C – Phòng giao dịch huyện T. (vắng mặt, có đơn)

Địa chỉ: ấp C. thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (theo văn bản ủy quyền số 167a/QĐ-NHCS ngày 31/5/2024).

- Bị đơn: Ông Thạch T1, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: Ấp X, thị trấn H, huyện T, Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 30 tháng 09 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hàng C trình bày:

Nguyên vào ngày 08/04/2021 ông Thạch T1 có ký kết với Ngân hàng C – phòng giao dịch huyện T hợp đồng tín dụng số 111/2021/HĐTD ngày 08/04/2021, mã món vay 6600000720172800, số tiền vay 50.000.000 đồng của chương trình cho vay chương trình cho vay giải quyết việc làm, lãi suất 0,33%/tháng, thời hạn vay 36 tháng, kỳ hạn trả nợ 6 tháng trả một lần, số tiền nợ gốc mỗi lần trả là 8.300.000 đồng, hạn trả cuối cùng vào ngày 08/04/2024 trả số tiền 8.500.000 đồng. Sau khi vay thì ông T1 không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo thoả thuận trong hợp đồng, Ngân hàng cũng đã nhiều lần liên hệ và đôn đốc ông T1 việc trả nợ nhưng ông T1 vẫn không trả, đến nay đã chuyển sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 21/01/2025 tổng số tiền ông Thạch T1 còn nợ ngân hàng là **53.406.142 đồng (Năm mươi ba triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn một trăm bốn mươi hai đồng)**, trong đó nợ gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), nợ lãi 3.406.142 đồng (**Ba triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn một trăm bốn mươi hai đồng**)

Ngân hàng yêu cầu ông Thạch T1 trả số tiền còn nợ là **53.406.142 đồng (Năm mươi ba triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn một trăm bốn mươi hai đồng)**, trong đó nợ gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), nợ lãi 3.406.142 đồng (**Ba triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn một trăm bốn mươi hai đồng**) và phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký với Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong nợ cho ngân hàng.

- Bị đơn ông Thạch T1 vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa sơ thẩm: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm nghị án, Hội đồng xét xử, thư ký, đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, nguyên đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn ông Thạch T1 có nghĩa vụ trả cho Ngân

hàng C số tiền 53.406.142 đồng (Năm mươi ba triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn một trăm bốn mươi hai đồng), trong đó nợ gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), nợ lãi 3.406.142 đồng (Ba triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn một trăm bốn mươi hai đồng) và phải chịu trách nhiệm trả lãi phát sinh theo hợp đồng giữa các bên đã ký kết kể từ ngày 22/01/2025 cho đến khi trả hết nợ gốc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn không đăng ký kinh doanh nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp cần giải quyết là tranh chấp hợp đồng dân sự. Bị đơn cư trú tại ấp X, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng nên Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị thụ lý, xét xử sơ thẩm theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, nguyên đơn xó đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C buộc ông Thạch T1 thanh toán nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/01/2025 là 53.406.142 đồng (Năm mươi ba triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn một trăm bốn mươi hai đồng), trong đó nợ gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), nợ lãi 3.406.142 đồng (Ba triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn một trăm bốn mươi hai đồng) và phải chịu tiền lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký với Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong nợ cho ngân hàng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn giao nộp bản sao hợp đồng tín dụng số 111/2021/HĐTD ngày 08/04/2021 và giấy đề nghị vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm ký kết giữa Ngân hàng và ông Thạch T1, thể hiện số tiền vay 50.000.000 đồng. Đồng thời theo biên bản xác minh ông Thạch D (BL 28) là cha ruột ông Thạch T1 trình bày: “Ông có biết việc ông Thạch T1 vay tiền Ngân hàng chính sách nhưng không biết cụ thể bao nhiêu, hàng tháng ông và vợ đóng lãi cho Ngân hàng thay ông T1, đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì ông T1 có ý kiến xin trả từ từ, ông T1 đi làm trên thành phố gửi tiền về”. Dựa vào các tài liệu, chứng cứ nêu trên có thể xác định ông Thạch T1 có vay của Ngân hàng C số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng từ ngày 08/04/2021. Xét thấy, các bên giao kết hợp đồng trên cơ sở tự nguyện, hình thức và nội dung của hợp đồng tại thời điểm xác lập phù hợp quy định

của pháp luật. Do đó, hợp đồng nêu trên có giá trị pháp lý và buộc các bên thực hiện đúng giao kết. Ông Thạch T1 không thực hiện việc trả tiền vốn, lãi theo thỏa thuận đã vi phạm quy định tại Điều 5 của hợp đồng nên Ngân hàng C có quyền khởi kiện thu hồi nợ. Xét Ngân hàng C yêu cầu ông T1 trả tiền vốn vay còn nợ 50.000.000 đồng và lãi suất còn nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì là có cơ sở chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 91, khoản 1, 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng C. Buộc ông Thạch T1 có nghĩa vụ hoàn trả cho Ngân hàng C tổng số tiền vốn vay và lãi suất còn nợ tính đến ngày 21/01/2025 là **53.406.142 đồng (Năm mươi ba triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn một trăm bốn mươi hai đồng)**, trong đó nợ gốc 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), nợ lãi 3.406.142 đồng (**Ba triệu bốn trăm lẻ sáu nghìn một trăm bốn mươi hai đồng**).

Kể từ ngày 22 tháng 01 năm 2025, bị đơn ông Thạch T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi và tiền lãi quá hạn của số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa ghi trong hợp đồng tín dụng số 111/2021/HĐTD ngày 08/04/2021 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí sơ thẩm: Ông Thạch T1 phải chịu án phí số tiền 2.670.307 đồng

(Hai triệu sáu trăm bảy mươi nghìn ba trăm lẻ bảy đồng). Nguyên đơn Ngân hàng C không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Tuyết Kha